

TỨ GIÁO NGHĨA

QUYỂN 6

Nói về giai vị bảy Thánh:

- Tùy Tín hành
- Tùy pháp hành
- Tín giải
- Kiến đắc
- Thân chứng
- La-hán thời giải thoát.
- La-hán bất thời giải thoát.

Bảy giai vị này gọi chung là Thánh, lấy chánh làm nghĩa, tức là luyện đạo treo gương. Khổ nhẫn nói rõ xả tánh phàm phu, đắc nhập tánh bậc Thánh, chân trí thấy lý dứt các nhân đồng loại, nên gọi là Thánh. Bảy bậc Thánh này lại có hai loại khác nhau, nghĩa là Học và Vô Học. Năm loại bậc Thánh ở đầu đều là bậc hữu học, hai loại bậc Thánh sau là giai vị Vô học.

Nói bậc hữu học: Bắt đầu từ Pháp khổ nhẫn phát đắc chân trí, tự như vậy mới có bậc Thánh. Có Thánh đế, có năm Ấm của hai loại hữu lậu và vô lậu, thấy dấu vết của bậc Thánh nên gọi là bậc hữu học. Đối với chân đế không tìm cầu nên gọi là bậc Vô học.

Lại nói bậc Vô học: Chân trí thấy lý thông tột ba cõi, không cần học tứ chân trí. Lại, giai vị của bảy Thánh chia làm ba đạo:

- * Kiến đạo
- * Tu đạo
- * Học đạo.

1) Kiến đạo: Là tám Chánh đạo, thấy lý, dứt hoặc thấy đế, đến mười lăm tâm, như phương tiện đả phá.

2) Tu đạo: Là bảy Giác chi tùy theo quán một đế dứt tư duy, như phương tiện bề sen thì tơ dứt.

3) Vô học đạo: Như phân biệt ở trước.

1- Nói về tùy tín hạnh vị: Tức là người độn căn nhập danh thấy

đạo.

Nói độn căn: Mình không có trí, chỉ nhờ vào người mà sinh giải gọi là độn. Đây là con đường phương tiện, trước tuy có niềm tin nhưng chưa phát chân thì không gọi là hạnh. Hạnh lấy con đường tiến triển làm nghĩa. Từ lúc đắc khổ nhẫn thật nói mười lăm sát-na, tiến thú thấy chân nên gọi là Tùy tín hạnh.

Cho nên nói chỉ có hành nhân gần, không có hành nhân xa. Lại, nếu ở trong mười lăm tâm, thì lúc qua đời không có việc ấy.

Khổ pháp nhẫn: Cõi dục thấy dứt mười sử đối trị, pháp này chính là con đường vô lậu vô ngại trước tiên. Lại nữa, pháp đệ nhất thế gian, thứ lớp bất tác, bất hướng, bất hành, có thể xả bỏ tà nghiệp, tà thú tà kiến. Lại pháp đệ nhất thế gian phân biệt khổ pháp nhẫn, khởi năm thứ định:

- Địa định
- Hành định
- Duyên định
- Sát-na định
- Thứ đệ duyên định.

Thứ đệ duyên định, pháp đệ nhất thế gian sau đó liền nhập khổ nhẫn.

Kệ Tạt Tâm chép: Là sắc, vô sắc, khổ tập diệt đạo cũng giống như thế. Pháp này không xen hở nói là mười sáu tâm, mười lăm tâm thành thuộc về kiến đạo, tâm thứ mười sáu thuộc về tu đạo. Nếu cho là không đúng như vậy, như tận trí thành cũng thuộc về đạo vô học. Tín này hành nhân kiến đạo, mười lăm tâm cũng gọi là Bát nhân địa. Bát nhẫn đầy đủ, trí ít một phần tức là Tu-đà-hoàn hưởng, cũng gọi là hành trung Tu-đà-hoàn.

2- Nói về giai vị tùy pháp hành: Người lợi căn nhập danh kiến đạo.

Lợi căn: Dùng trí mình thấy lý dứt kết sử nên nói là lợi. Vốn ở trong con đường phương tiện, có thể tự dụng, quán trí, quán bốn pháp chân đế, nhưng chưa phát chân, không gọi là hành. Vì pháp đệ nhất thế gian phát khổ nhẫn, rõ chân, mười lăm sát-na tiến thú thấy chân, nên gọi là Pháp hành. Phân biệt pháp hành giống như Tín hành ở trước, giải thích rất dễ biết. Nhưng kẻ độn căn nương vào người khác để hiểu, trí ít quán sát.

Bậc lợi căn vận dụng nhiều trí của mình quán sát là khác.

3-Nói về giai vị Tín giải: Tức là tín hành nhân này nhập vào tu

đạo chuyển sang gọi là tín giải.

Kẻ độn căn nương vào người để tiến phát hiểu chân, nên gọi là Tín giải.

Người chứng quả tín giải này có ba loại:

Chứng quả Tu-đà-hoàn.

Chứng quả Tư-đà-hàm.

Chứng quả a-na-hàm.

Nói về tín giải chứng quả Tu-đà-hoàn:

Con đường thứ mười sáu tương ứng với trí thì chứng quả Tu-đà-hoàn.

Tu-đà-hoàn là tiếng Thiên-trúc, Hán dịch là tu tập vô lậu. Nếu Thành luận nói giống như là kiến đạo, nếu nhiều người nói nghĩa, chứng quả tức nhập tu đạo, liền dùng tu đạo này giải thích nghĩa tu tập vô lậu. Nếu kiến sử dứt nói sơ lược ba kết sử cùng tận, nói đủ tám mươi tám kết sử cùng tận, gọi là Tu-đà-hoàn, chịu bảy lần sinh tử không đến đời thứ tám.

Nói về Tín giải chứng quả Tư-đà-hàm có hai loại:

* Hưởng

* Quả

1) Hưởng: Bắt đầu sau tâm sơ quả lại tu quán mười sáu đế quán, bảy phần Bồ-đề hiện tiền, ngay đời này đạt vô lậu, dứt một phẩm phiền não, vô ngại dứt một phẩm, nhị phẩm phiền não cõi Dục vô ngại, dứt nhị phẩm đến ngũ phẩm đều là Tư-đà-hàm hưởng, cũng gọi là thắng tiến Tu-đà-hoàn, y cứ điều này mà nói nhất lại.

2) Quả: Nếu dứt hết sáu phẩm, chứng đệ lục phẩm giải thoát cõi Dục, tức quả Tư-đà-hàm.

Tư-đà-hàm là tiếng Thiên-trúc, Hán dịch là bạc, phiền não cõi Dục chia làm chín phẩm, sáu phẩm trước dứt hết, ba phẩm sau còn, trước dứt nhiều nhưng chưa dứt ít, nên gọi là Bạc.

Nói về người Tín giải chứng A-na-hàm cũng có hai loại:

* Hưởng.

* Quả

1) Hưởng: Nếu dứt bảy phẩm cõi dục cho đến tám phẩm đều là A-na-hàm hưởng, cũng gọi là Thắng Tiến Tư-đà-hàm, y cứ điều này để nói một hạt giống.

2) Quả: Chín vô ngại dứt kết sử cõi Dục, chứng giải thoát thứ chín, tức a-na-hàm quả.

A-na-hàm là tiếng Thiên-trúc, Hán dịch là Bất Hoàn. Người này

năm kết sử phần hạ ở cõi Dục dứt hết không trở lại cõi Dục nữa, cho nên nói là Bất hoàn.

Lại nữa, Tu-đà-hoàn có ba loại:

Tu-đà-hoàn hành trung: Tức là Tu-đà-hoàn hưởng.

Tu-đà-hoàn trụ quả: Chính là Tu-đà-hoàn quả

3. Thắng tiến Tu-đà-hoàn: Cũng gọi là gia gia (nhất lai), tức là Tư-đà-hàm hưởng.

Tư-đà-hàm chỉ có hai loại:

Trụ quả

Thắng tiến.

Thắng tiến Tư-đà-hàm cũng gọi là một hạt giống tức là a-na-hàm hưởng.

A-na-hàm cũng có hai loại:

1. Trụ quả

2. Thắng tiến.

A-na-hàm thắng tiến, tiến dứt năm thượng phần kết sử. Gọi là kết sử sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, tức là A-la-hán hưởng.

A-la-hán chỉ có một loại là Trụ quả.

Hỏi: Đây là nói thứ lớp đắc quả. Tỳ-đàm nói đắc quả siêu việt làm sao phân biệt?

Đáp: Nếu phạm phu dứt sáu phẩm cho đến dứt hết tám phẩm, nhập đạo thấy đế. Sau đó phát khổ nhãn chân minh trong mười lăm tâm là Tư-đà-hàm hưởng, mười sáu tâm tức chứng quả Tư-đà-hàm.

Nếu lúc phạm phu trước đoạn phẩm thứ chín cõi dục cho đến vô sở hữu xứ tận. Sau đó nhập kiến đế, mười lăm tâm gọi là A-na-hàm hưởng, tâm thứ mười sáu là chứng quả A-na-hàm. Đây là người siêu việt không chứng hai quả trước.

Tín giải này tuy là lợi căn nhưng có năm lợi căn tánh không. Gọi là thối tư hộ trụ thắng tiến, nếu chứng quả A-na-hàm. Thì lại có năm loại bàn, tám loại bàn.

Năm loại bàn gồm:

Trung bàn

Sinh bàn

Hành bàn

Bất hành bàn

Thượng lưu bàn

Bảy loại bàn: là khai trung bàn làm ba loại:

Tám loại bàn: Năm loại như trước cùng với hiện bàn, vô sắc bàn,

và bất định bàn.

4. Nói về giai vị kiến đắc.

Pháp hành nhân chuyển nhập tu đạo gọi là kiến đắc

Người lợi căn dùng trí của mình thấy pháp đắc lý, nên gọi là kiến đạo. Người kiến đắc này ở vào tư duy đạo, thứ lớp chứng ba quả, đắc hai quả siêu việt, cũng như phân biệt trong Tín giải, chỉ dùng lợi căn, không nhờ vào nghe pháp, không nương các duyên, tự có thể thấy pháp đắc lý, làm dị kiến đắc lợi căn, chỉ là căn tánh bất động.

Nếu chứng quả A-na-hàm cũng có năm loại bàn, bảy loại bàn và tám loại khác nhau.

5. Nói về giai vị thân chứng:

Lại là hai người tín giải, kiến đắc, nhập tư duy đạo, dùng trí vô lậu dứt năm kết sử hạ phần, năm kết sử hạ phần cho nên phát khởi Bốn thiền, bốn định Vô sắc, tức dùng cộng niệm xứ, tu tám bối xả, tám thắng xứ, mười một thiết xứ, nhập thứ lớp chín định, ba không, hai chướng sự tánh trước đã dứt hết. Lại dứt phi tưởng sự chướng diệt duyên lý, các pháp tâm, tâm sở nhập định diệt tận, đắc định này, nên gọi là thân chứng A-na-hàm, vì sao? Nhập định diệt tận, dường như pháp Niết-bàn, đặt bên trong thân, dứt tất cả trần lao ba cõi, thân chứng tưởng thọ diệt nên gọi là thân chứng. Nếu y cứ sơ quả giải hiểu thân chứng, nhưng trước đối với phạm phu dụng trí dứt kết sử, đắc bốn thiền, bốn định vô sắc, sau đó, tâm thứ mười sáu kiến đế chứng quả A-na-hàm, tức tu niệm xứ cộng. Lại từ cõi dục tu bối xả thắng xứ, nhất thiết xứ, nhập chín định thứ lớp thành thân chứng. A-na-hàm này có hai loại:

Trụ quả: Chỉ là A-na-hàm

Đối quả hành tướng:

Tức là thắng tấn A-na-hàm, còn gọi là A-na-hàm hành hưởng, tức là A-la-hán hưởng nhiếp.

Luận Trí Độ chép: A-na-hàm có mười một loại, năm loại A-na-hàm chính là A-na-hàm, sáu loại A-na-hàm, thuộc về A-la-hán hưởng. Nên biết thân chứng A-na-hàm này tức là thắng tiến A-na-hàm, thuộc về A-la-hán hưởng, chính là năm thứ bàn Na-hàm, bảy thứ bàn Na-hàm, chỉ có bàn thượng lưu. Tám thứ bàn chỉ có hiện bàn, Vô Sắc bàn như thế, A-tỳ-đàm y cứ vào Tín giải kiến đắc phân biệt số. Na-hàm có một muôn hai ngàn sáu trăm loại, nói đủ phân biệt rất phiền toái.

6. Nói La-hán thời giải thoát:

Tức là tín hành độn căn, đợi thời và các duyên đủ mới được giải thoát, nên gọi là A-la-hán thời giải thoát là tiếng Thiên-trúc, Hán không

dịch, bao gồm ba nghĩa:

- Sát tặc
- Bất sinh
- Ứng cúng

Đủ ba nghĩa này mới gọi là Vô học.

A-la-hán có năm loại: Nghĩa là Tùy tín hạnh sinh ra năm loại: Thối pháp, tư pháp, hộ pháp, một trụ pháp, và Thắng tiến, Đắc hai trí kia, các kiến tận trí, vô học trí. Nếu dùng Tam-muội Kim Cương, đối với chín phẩm phi tướng, hoặc nghiệp, hoặc nghiệp dứt hết, lần lượt một sát-na chứng phi tướng giải thoát tận trí thứ chín, lần lượt một sát-na đắc cái thấy Vô học, người kia hoặc thời thối, không nói đắc trí vô sinh của năm loại La-hán này, chính là chủng tánh căn độn Tín hạnh. Nhờ tu đạo hẳn nhờ cơm áo giường ngồi, nói pháp cho người, nghe thuận theo gốc lành, tăng tiến không thể tất cả thời tùy theo sự ưa thích mà tiến.

Năm loại La-hán này đều có hai loại: Không đắc định diệt tận, chỉ là tuệ giải thoát. Đắc định diệt tận chính là câu giải thoát. Nếu không đắc định diệt tận, người này trong nhân nghiêng về tu chánh niệm xứ quán, không tu quán niệm xứ cộng. Nếu người đắc định diệt tận, người này quán tu niệm xứ tánh, cũng quán tu niệm xứ cộng. Nếu khi chứng quả, ba minh tám giải thoát cùng lúc đều đắc, nên gọi là Câu giải thoát.

7. Nói A-la-hán bất thời giải thoát:

Tức là pháp hành lợi căn, gọi là A-la-hán bất động pháp.

Bất thời giải thoát: Bất động pháp do một bề lợi căn dùng trung đạo, có thể bất cứ lúc nào thời tùy theo sự ưa thích, tiến tu nghiệp lành không đợi đầy đủ, nên gọi là bất thời giải thoát. Người này không bị phiền não làm xao động nên gọi là Bất động, là nghĩa bất thoái thành tựu ba trì, đó là tận trí, trí vô sinh, trí vô học. Có thể dùng Tam-muội trùng không, kích động pháp lành của bậc Thánh dùng không xả không định, cho nên nói có thể kích động. A-La-hán pháp bất động này cũng có hai loại khác nhau:

Không đắc định diệt tận chính là tuệ giải thoát

Nếu đắc định diệt tận tức là câu giải thoát.

Nếu nghe Phật nói ba tạng giáo môn, tu duyên niệm xứ, liền phát bốn biện tài vô ngại gọi là vô ngại giải thoát. Đây gọi là Thanh văn ba-la-mật có thể rốt ráo đầy đủ tất cả công đức A-la-hán.

Hỏi: Hai người hợp thời và không phải thời, lợi độn khác nhau, tại sao đều được câu giải thoát?

Đáp: Lược gián lợi độn này nói về sự khác nhau giữa khó dễ, đâu

có liên quan đến được và không đến được.

Bảy Thánh này gọi là chân sa-môn, Sa-môn có hai loại:

Chân ngôn Sa-môn: Sa-môn tức là nhân.

Sa-môn-na: Sa-môn-na là quả.

Sa-môn có tám mươi chín thứ. Gọi là kiến đế tám nhãn, tư duy tám mươi một vô ngại.

Sa-môn-na cũng có tám mươi chín thứ: Gọi là kiến đế bát trí, tư duy tám mươi một giải thoát.

Sa-môn-na lại có hai loại:

Quả hữu vi: tám mươi chín quả hữu vi.

Quả vô vi: tám mươi chín quả vô vi.

Đây là y cứ vào trí đoạn, nương vào trí đức nói về tám mươi chín quả hữu vi. Y cứ vào đoạn đức nói về tám mươi chín quả vô vi, nói sơ lược Ba tạng giáo Tỳ-đàm hữu môn nói về đại y giai vị bảy Thánh bảy hiền xong.

Nhưng nghĩa hiền Thánh có sự liên quan rất nhiều, Tỳ-đàm hữu môn tuy nghĩa không có lỗi này, nếu muốn phân biệt rốt cùng về chi phái ấy thì phải đọc Tỳ-Bà-sa.

Hỏi: Trước đã nói giai vị Càn tuệ thật khác hẳn với cách giải xưa.

Kế nói về tánh địa, kiến tư Vô học, đây chẳng biết có khác với cách giải thích thường hay không?

Đáp: Nếu Càn tuệ có khác, tức là Tánh địa kiến tư vô học đều khác. Thí như người sống người chết. Nếu một phần thân là sống, thì tất cả phần thân đều là sống. Nếu một phần thân chết, thì tất cả phần thân đều chết. Sự khác nhau về sống chết há chẳng phải tất cả đều khác.

Nay nói về Càn tuệ, nếu người sống thì tánh địa kiến tư, vô học đều như người sống.

Nói về Càn tuệ như người chết thì tánh địa kiến tư Vô học đều như người chết.

Lại nữa, nay nói Càn tuệ nếu như người chết thì tánh địa kiến tư vô học như người chết, nói về Càn tuệ như người sống thì tánh địa kiến tư vô học như người sống, phải dùng trí đoạn hợp thí dụ, từ đầu đến cuối danh tướng như phần thân, đầu hề khác nhau. Từ đầu đến cuối trí đoạn khác nhau như sống chết, đầu thể chẳng khác. Người đặc ý này, như người có mắt, ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu soi thì thấy tất cả muôn vật. Người mê ý này như người mù cầm đuốc, đâu có ích gì cho người không có mắt.

Ở đây đáng lẽ phải nói rõ Ba tạng giáo không môn nhập đạo, hai mươi bảy gia vị của hiền Thánh. Tín hành và pháp hành là hai hiền, đối với con đường phương tiện không môn phát chân vô lậu, dứt kiến hoặc chưa tận thực hành tức là Tu-đà-hoàn cận hưởng, kiến hoặc dứt hết gọi là quả Tu-đà-hoàn. Hiểu không tăng thêm dứt được một phẩm tư duy ở cõi dục cho đến năm phẩm gọi là Tư-đà-hàm hưởng, dứt sáu phẩm hết tức là Tư-đà-hàm quả, dứt bảy phẩm, tám phẩm hết gọi là A-na-hàm hưởng. Dứt hết chín phẩm, năm kết sử hạ phần ở cõi dục tức là quả A-na-hàm. A-na-hàm có mười một loại .

Đối quả hành hưởng tức là A-la-hán hưởng, kể dứt tư duy hai cõi, chín phẩm phi tướng dứt hết tức là quả A-la-hán. A-la-hán có chín loại: Hiền nhân có hai, Thánh có hai mươi lăm, hợp lại có hai mươi bảy hiền Thánh. Trích đủ ở Thành luận. Nhưng sự tướng rườm rà, nói đủ nghĩa ma-ha-diễn, côn Lặc-môn, phi không phi hữu môn, kinh không trích, luận không nói, đâu thể nhằm phán quyết.

Hỏi: Hai môn không suy lường, không thể phán quyết, không môn nói rõ thắng nghĩa A-tỳ-đàm. Vì sao bỏ cao quý mà dùng thấp kém.

Đáp: Tỳ-đàm tuy thấp kém nhưng là căn bản của Phật pháp, cho nên sau khi Phật diệt độ lưu truyền khắp nơi. Lại, kinh luận Đại thừa phá Tiểu thừa, Tiểu thừa chấp vào Tỳ-đàm hữu môn ít dùng không môn, cho nên phải lược trích Tỳ-đàm không môn, giai vị thứ lớp của Thánh hiền về căn bản Phật pháp.

Kể nói về giai vị Bích-Chi-phật, thừa trong Ba tạng giáo, Ba tạng giáo nói về lý mười hai nhân duyên sinh diệt, nói nghĩa Bích-Chi-phật, cũng phải có bốn môn. Nay chỉ y cứ vào tông Tát-Bà-Đa nói về giai vị Bích-Chi-Phật thừa thì có năm ý:

- Phiên dịch
- Phân biệt đại tiểu.
- Nói về túc duyên
- Nói về quán pháp
- Suy xét

1) Phiên dịch: Có hai ý:

- 1- Dịch tên
- 2- Giải thích.

1. Dịch tên: Bích-chi Ca-la là tiếng Thiên-trúc, Hán dịch là Duyên giác.

Người này đời trước phước đức thần căn cao siêu lanh lợi, học mười hai nhân duyên để ngộ đạo.

2. Giải thích: Luận Đại Trí Độ chép:

Duyên giác có hai loại:

Độc giác

Nhân Duyên giác

Nói Độc giác, Bích-Chi ca-la:

Nếu Phật không xuất hiện ở đời thì Phật pháp đã diệt lâu rồi. người này nhân duyên đời trước chỉ tự phát sinh ra trí tuệ không nghe từ người khác, tự dùng trí tuệ của mình để đắc đạo nên gọi là Độc giác, như luận Đại Trí Độ nói: Có một vị vua nọ, một hôm ra vườn dạo chơi, buổi sáng thấy hoa quả rừng cây tốt tươi rất yêu thích. Bấy giờ, vua ăn trái cây ấy, sau đó nằm nghỉ. Các tỳ nữ của vua đua nhau hái hoa phá cây rừng, vua thức dậy thấy cây rừng bị phá hoại, trong tâm giác ngộ, tất cả thế gian vô thường biến hoại đều giống như thế. Nghĩ đoạn, đạo tâm vô lậu phát sáng, dứt các kết sử, thành Bích-chi ca-la, đủ sáu thần thông, liền bay đến ngôi rừng an nhàn vắng lặng rừng núi xanh um lại vào sâu thiền định, thọ vui vô vi.

2. Nói về Nhân Duyên giác: Người này đạo căn thuần thực, nhờ vào một chút nhân duyên mà giác ngộ, như thấy rừng cây bị phá hoại, do đó giác ngộ thành Bích-chi-phật.

Ý luận Đại Trí Độ giống như cho đây là Nhân Duyên giác. Nay nói về Nhân Duyên giác: Nhân nghe mười hai nhân Duyên giác ngộ thành Bích-chi-phật.

Mười hai nhân duyên, có ba loại khác nhau:

- Mười hai nhân duyên trong ba đời
- Mười hai nhân duyên trong hai đời
- Mười hai nhân duyên trong một đời

Phá đoạn thường ba đời, phá ngã hai đời, phá tánh một đời.

Nói mười hai nhân duyên trong ba đời: Hai nhân quá khứ, năm quả hiện tại, ba nhân hiện tại, hai quả tương lai.

Hai nhân quá khứ: Vô minh và hành

Năm quả hiện tại: Thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ.

Ba nhân hiện tại: Ái, thủ, hữu.

Hai quả vị lai: Sinh già chết, lo buồn khổ nhóm họp, ấy là nói về mười hai nhân duyên hợp ba đời.

Mười hai nhân duyên này có ba loại đạo:

- Phiền não đạo
- Khổ đạo
- Nghiệp đạo

Ba đạo này lại làm nhân duyên cho nhau, từ vô thủy đến nay sinh tử không dừng, cho đến thân đời này nếu không tu quán trí thì đời vị lai trôi lăn ưu bi khổ não, không có bờ mé. Nếu tu quán trí thì vô minh diệt cho đến già chết tôi là buồn khổ não đều diệt.

Thí như trong ngôi nhà tối ngàn năm, nếu không đặt một ngọn đèn thì ngôi nhà ấy tối mãi. Nếu đặt một ngọn đèn thì sự tối tăm ấy đều tan biến, cái tối mới không sinh. Nếu nghe mười hai nhân duyên này phát chân vô lậu thì vô minh diệt, cho đến già chết lo buồn khổ nhóm đều diệt, ấy gọi là Nhân Duyên giác.

Kể nói về mười hai nhân duyên trong hai đời: Trích trong kinh Đại Tập: Phật nói pháp cho người cầu Bích-chi-phật, mười hai nhân duyên này, hiện tại có mười, vị lai có hai, hiện tại có chín, vị lai có ba.

Hiện tại có mười là:

Vô minh: kinh Đại Tập chép: Thế nào gọi là quán vô minh? Trước quán thân Trung Ấm ở trong thai mẹ sinh tâm tham ái, vì ái vào nhân duyên cho nên bốn đại hòa hợp. Tinh cha huyết mẹ hợp thành một giọt, lớn như hạt đậu gọi là ca-la-la. Ca-la-la này có ba việc:

- Mạng
- Thức
- Noãn (hơi Ấm)

Trong đời quá khứ nghiệp duyên cảm quả, không có người làm ra, cho đến người thọ hơi thở ra vào gọi là Vô minh, lúc khí ca-la-la hơi thở ra vào có ba thứ đạo: Nghĩa là hai lỗ miệng và mũi tùy theo hơi thở của mẹ lên xuống, bảy ngày một lần ngưng ra vào gọi là thọ mạng, ấy gọi là phong đạo, không hôi không rạn nát gọi là noãn, tâm ý trong đó gọi là Thức.

Này người thiện nam! nếu có người nào muốn đắc quả Bích-chi-phật thì nên quán mười hai nhân duyên như thế.

Hành: Lại quán ba thọ nhân duyên, năm Ấm, mười hai nhập mười tám giới, quán như thế nào?

Tùy theo tâm niệm quán hơi thở ra vào, quán da thịt, xương gân tủy não trong thân, như mây trong hư không, phong bên trong thân này cũng giống như thế. Có phong có thể lên, có gió có thể xuống, có gió có thể tươi, có gió có thể khô, có gió thêm lớn cho nên hơi thở ra vào gọi là thân hành, vì hơi thở ra vào từ giác quán sinh ra nên gọi là ý hành, hòa hợp phát ra tiếng gọi là khẩu hành.

Thức: Nhân duyên với ba hành thì thức sinh khởi, nên gọi là Thức.

Danh sắc: mê đắm vào nhân duyên của thức thì sinh ra bốn Ấm, cho đến sắc Ấm nên gọi là Danh sắc.

Sáu nhập: Năm Ấm nhân duyên thức hành sáu xứ nên gọi là sáu nhập.

Xúc: Mắt thấy sắc nên gọi là xúc, cho đến ý nhận thức các pháp cũng giống như thế.

Thọ: Xúc nhân duyên cho nên nghĩ đến sắc pháp, gọi là Thọ.

Ái: Tham đắm vào sắc cho đến Pháp nên gọi là Ái.

Thủ: Nhận duyên ái cho nên tìm cầu khắp nơi, gọi là Thủ.

10) Hữu: Thủ chấp nhân duyên cho nên thọ thân sau, gọi là Hữu.

Hai nhân duyên dưới thuộc vị lai.

11) Sinh: Nhân duyên hữu nên có sinh, gọi là Sinh

12) Già chết: Nhân duyên sinh thì có các thứ khổ già chết. Ấy gọi đại thọ là năm Ấm, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên. Nếu nghe mười hai nhân duyên này phát chân vô lậu cũng gọi là Nhân Duyên giác. Nói đủ trích trong kinh Đại Tập.

3. Nói về mười hai nhân duyên trong một đời:

Đây chỉ y cứ vào hiện tại, tùy một niệm tâm sinh khởi thì có đủ mười hai nhân duyên cũng trích trong kinh Đại Tập, nói pháp nhân duyên này cho hạng người Bích-chi-phật.

Kinh chép: Do mắt thấy sắc mà sinh tâm Ái gọi là Vô minh, vì ái mà tạo nghiệp thì gọi là Hành, đến tâm chuyên nghĩ gọi là Thức. Sắc và hành gọi là Danh sắc, sáu thứ sinh tham đắm gọi là sáu nhập. Do sáu nhập mà tìm cầu Ái gọi là Xúc, suy nghĩ từ sắc cho đến pháp gọi là Thọ. Nếu tâm tham đắm thì gọi là Ái. Cầu các pháp gọi là Thủ, các pháp này sinh khởi gọi là Hữu. Thứ lớp không xen hở gọi là sinh, lần lượt đoạn diệt nên gọi là chết. Nhân duyên sinh tử các khổ ép ngặt gọi là não, cho đến ý tiếp xúc với pháp sinh tham cũng giống như thế.

Mười hai nhân duyên này, một tâm một niệm khởi đều có đầy đủ, nếu nghe nhân duyên này, tâm khai ý phát tuệ vô lậu cũng gọi là Nhân Duyên giác. Kinh Anh Lạc lại trích mười loại mười hai nhân duyên. Nếu một loại thôi thì phát tâm vô lậu đều gọi là Nhân Duyên giác, nay không trích ra. Kinh Niết-bàn chép: Thí như người già một trăm hai mươi tuổi không chịu giao phó tiền bạc ý cũng giống ở đây.

Hỏi: Độc giác cũng được ngộ, trước hết có nói các nhân duyên hay không ?

Đáp: Đều do tập khí đời trước.

Hỏi: Nếu y theo ba loại Nhân Duyên giác, đặc trí vô lậu tức là

bẩm thọ giáo Duyên giác gọi là Thanh văn lợi căn, vì sao sinh ra văn tuệ tứ tuệ, tu tuệ? Lại hỏi: Thế nào là sinh đắc tuệ, thế nào là phương tiện tuệ?

Đáp: Cả hai nói về phân biệt đại tiểu khác nhau, hai loại Bích-Chi-ca-la này đều có đại tiểu khác nhau. Nay nói Độc giác, Bích-Chi-ca-la đều có hai loại:

1. Vốn là bậc hữu học sinh vào loài người, bấy giờ không có Phật ra đời, Phật pháp diệt độ lâu rồi, hoặc Tu-đà-hoàn bảy đời đã mãn, không thọ tám đời tự ngộ thành đạo. Người này không gọi là Phật, cũng không gọi là La-hán, là tiểu Bích-chi-ca-la. Nếu nói về đạo lực của họ, hoặc có bậc đại La-hán không bằng ngài Xá-lợi-phất.

2. Đại Bích-Chi-ca-la: Trong hai trăm kiếp làm công đức giúp thêm lớn trí tuệ, được ba mươi hai tướng phần, hoặc ba mươi một tướng phần, hoặc ba mươi tướng phần, hai mươi chín tướng phần cho đến một tướng. Trong chín loại La-hán, trí tuệ lanh lợi đối với các pháp tổng tướng, biệt tướng có thể biết, có thể nhập, tu tập định lâu ngày thường thích ở một mình, có tướng như vậy gọi là Đại Bích-chi-phật, đều trải qua ba loại mười hai nhân duyên phân biệt đại tiểu, nếu Nhân Duyên giác phân biệt đại tiểu cũng giống như thế.

3. Nói về túc duyên: Nay hai loại Độc giác và Bích-chi-ca-la đại tiểu này, đời trước trồng nhân khác nhau, hoặc ở đời trước nếu tu nghiêng về niệm xứ tánh, quán mười hai nhân duyên, gốc lành thuần thực, gặp thời Phật không xuất hiện nhân xa lìa tự nhiên Độc giác thành tiểu Bích-chi-phật. Nếu đời trước tu niệm xứ tánh và niệm xứ cộng, lý sự gốc lành thuần thực, Độc giác tự ngộ, đầy đủ ba minh, tám giải thoát và sáu thần thông thành đại Bích-Chi-ca-la. Nhưng không phát bốn biện tài vô ngại, thiền định là bên trong chứng tập nhân, phù hợp với tuệ mà phát danh nghĩa, bên ngoài là các pháp, tuy có tập khí đời trước mà không được phát đều y cứ vào ba loại mười hai nhân duyên, mười loại nhân duyên phân biệt duyên xưa. Nếu sinh vào thời có Phật nghe mười hai nhân duyên sinh diệt Ba tạng giáo liền phát bốn biện tài vô ngại, còn gọi là La-hán, ở chúng số Thanh văn giống như Ca-diếp, Xá-lợi-phất, đều là người căn tánh của Bích-chi-phật, cũng gọi là Bích-chi-phật. Nếu không như vậy, đâu được tiên tìm cầu Bích-chi-phật thừa, nói mười hai nhân duyên. Người này dù không gặp Phật cũng tự đắc đạo.

Kinh Pháp Hoa chép: Nếu người có phước từng cúng dường Phật, chí cầu pháp cao siêu thì Phật nói Duyên giác, đều là Nhân Duyên giác. Căn tánh ba loại, mười loại, túc duyên khác nhau rất dễ biết.

Nói về pháp quán:

Pháp quán mười hai nhân duyên có hai loại:

Quán thuộc mười hai nhân duyên của Ái

Quán thuộc mười hai nhân duyên của kiến.

* *Quán thuộc mười hai nhân duyên của ái có hai ý:*

+ Suy tìm

+ Quán phá

Suy tìm:

Người này nghe pháp nhân duyên sinh diệt tin hiểu rõ ràng, biết tất cả thuộc là phiền não của ái, đều là mười hai nhân duyên.

Quán nhân duyên nhập định, muốn dứt tâm đạt bốn nguyên câu tuệ tự nhiên thích một mình, yên lặng tu tập định tâm, đắc các thiền định, trụ trong định này biết thuộc phiền não ái, tức là vô minh. Suy tìm từ nghịch đến thuận, tức thấy mười hai nhân duyên. Vì sao mà suy tìm nghịch lại, tham ái này do đâu mà sinh?

Liên biết do thọ, thọ do đâu sinh khởi, tức biết do xúc. Xúc do đâu mà sinh khởi, liền biết do sáu nhập, sáu nhập do danh sắc, danh sắc do thức, thức do hành, hành do vô minh, tất cả phiền não ở đời quá khứ. Lại suy thuận lại ái này, ái có công năng sinh ra Thủ, do thủ mà có Nghiệp, do có nghiệp này mà có sinh hai mươi lăm cõi ở vị lai. Do sinh mà có già chết, lo buồn khổ nhóm, trôi lăn không cùng. Nếu do năm pháp quán dừng tâm mà nhập sâu thiền định. Như thế suy tìm nghịch lại có khi thân ca-la-la mới thọ sinh cho đến thấy thân khởi nghiệp phiền não ở quá khứ, cho đến hai đời, trăm ngàn đời. Suy tìm thuận chiều thủ hữu. Nếu do năng lực thiền định, hoặc thấy một đời đến mười đời, trăm đời, ngàn đời tương lai. Nếu thấy việc quá khứ, vị lai, tâm bi cảm, đọa tâm tinh tấn, chuyển lại thêm cảm.

Nói về quán phá mười hai nhân duyên thuộc ái:

Tức là niệm xứ tánh, quán riêng mười hai nhân duyên. Quán niệm xứ tánh sơ lược như trước nói, vì sao? Vì nếu quán ái tức là năm Ấm ô bốn Niệm xứ ược tánh. Nếu quán thọ xúc, sáu nhập danh sắc, thức là quả báo, vô ký hiện tại vô ký, năm Ấm vô tánh bốn Niệm xứ. Nếu quán hành tức là tánh bốn Niệm xứ, năm Ấm thiện bất thiện. Nếu quán vô minh tức là ô ược phiền não, năm Ấm tánh bốn Niệm xứ đời quá khứ.

Nếu quán thủ tức là năm Ấm, tánh bốn Niệm xứ ô ược đời hiện tại.

Nếu quán hữu tức là năm Ấm tánh bốn Niệm xứ thiện và bất thiện.

Nếu quán sinh già chết thời vị lai tức là quả báo sinh vô ký bốn Niệm xứ, chính là dùng bốn Niệm xứ, quán sát nghịch thuận mười hai nhân duyên phá bốn điên đảo. Nếu điên đảo diệt thì vô minh tất cả phiền não diệt. Vì vô minh diệt cho nên hành diệt, cho đến già chết lo buồn khổ não diệt, tức là dùng tánh bốn Niệm xứ.

Quán riêng biệt thuộc quán mười hai nhân duyên phiền não của ái.

Nói về quán phá mười hai nhân duyên phiền não thuộc ái cũng có hai ý:

Suy tìm:

Quán phá:

1- Suy tìm: Nếu thấy tinh thần và thường, vô thường của thế gian vừa thường vừa vô thường, phi thường phi vô thường. Chính là hiện tại sinh ra thân kiến, biên kiến, bốn kiến. Do thân kiến, biên kiến, bốn kiến này sinh ra mười bốn nạn, sáu mươi hai kiến. Thân kiến, biên kiến, bốn kiến này tức là bốn thủ. Suy tìm nghịch thuận về bốn thủ này. Suy tìm nghịch bốn thủ, bốn thủ nhân bốn ái, bốn ái do bốn thọ, bốn thọ do bốn xúc, bốn xúc do bốn nhập, bốn nhập do bốn danh sắc, bốn danh sắc do bốn thức, bốn thức do bốn hành, bốn hành do bốn loại vô minh. Lại suy tìm thuận chiều bốn thủ, bốn thủ có công năng sinh ra bốn hữu. Bốn hữu này lãnh chịu tất cả sinh già bệnh chết lo buồn khổ não trong hai mươi lăm cõi. Nếu do năm pháp quán dừng tâm đặc sâu thiền định, hoặc thấy việc đời quá khứ vị lai, đầy đủ như trước nói.

2- Nói về quán phá nhân tánh quán bốn Niệm xứ:

Quán bốn thủ, bốn kiến, thân kiến biên kiến, thứ lớp như thế cho đến vô minh, phá quá khứ, như quá khứ không như quá khứ, cũng như quá khứ cũng không như quá khứ, không như quá khứ, chẳng phải không như quá khứ, thân kiến biên kiến làm ô uế năm Ấm. Lại quán thuận chiều gồm có bốn thủ cho đến sinh tử đời vị lai, phá hữu biên vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, phi hữu biên phi vô biên, thân kiến, biên kiến năm Ấm ô uế. Nếu dùng tánh bốn Niệm xứ như thế phá bốn kiến, hai kiến trong ba đời, tức là phá mười bốn nạn, sáu mươi hai kiến, tất cả phiền não thuộc kiến cùng lúc đều diệt. Ấy gọi là vô minh diệt tức hành diệt, cho đến già chết lo buồn khổ não đều diệt. Nếu phiền não thuộc kiến diệt thì lại dùng quán mười hai nhân duyên của ái quán tánh niệm xứ ở trước, phá dục ái, sắc ái, vô sắc ái đều diệt chính là phiền não nghiệp đạo ba cõi diệt, gọi là Niết-bàn hữu dư. Nếu khổ đạo diệt chính là Niết-bàn vô dư gọi là dùng trí tuệ của tánh bốn Niệm xứ, quán mười

hai nhân duyên nhập Niết-bàn. Pháp quán niệm xứ tánh lược như trước đã nói, cho nên kinh chép:

Nghĩa mười hai nhân duyên rất sâu xa, khó hiểu, khó thấy chính là ý này.

Như thời Phật nói kinh Đại Niết-bàn, có một ngoại đạo tên là Phú-na hỏi Đức Thế Tôn:

Cù-đàm! ngài làm sao cho con biết tinh thần và thế gian là thường, cho đến phi thường phi vô thường?

Phật đáp: Nếu ông bỏ được cái cũ không tạo cái mới thì sẽ biết tinh thần và thế gian thường, cho đến phi thường phi vô thường.

Luận liên nói: Con đã biết rồi.

Phật hỏi: Ông biết cái gì?

Cũ gọi là vô minh, mới là thủ ái nếu biết vô minh không khởi thủ ái thì biết tinh thần và thế gian là thường cho đến phi thường, phi vô thường.

Bấy giờ

Luận xin xuất gia làm đệ tử Phật. Lại Trung luận chép: Thanh văn trải qua nhập đệ nhất nghĩa đế đều y cứ quán mười hai nhân duyên, phá sáu mươi hai kiến, nhập nghĩa đệ nhất. Nếu đắc sâu ý này không chỉ phá ngoại đạo. Nếu đệ tử Phật học vấn ngộ thiền sinh ra nhiều ý kiến chấp trước tranh luận, sinh các phiền não, nghiệp sinh tử trong hai mươi lăm cõi, đều là mười hai nhân duyên thuộc về kiến.

Người biết có thể dùng niệm xứ tánh, phá sạch được giải thoát. Người mê điều này, mười hai nhân duyên trôi lăn sinh tử không có bờ mé.

Cho nên, Trung luận chép: Nói về chân pháp, người nghe khó đắc. Vì thế sinh tử không hữu biên, không vô biên. Niệm xứ cộng, niệm xứ duyên giúp quán mười hai nhân duyên giống như trước rất dễ biết.

Nói về suy xét:

Hỏi: Nếu người do kiếp trước tu tập nên tự nhiên giác ngộ thì đâu cần Phật nói mười hai nhân duyên?

Đáp: Nghe nói thì nhanh đắc, không nói mà tự ngộ thì ít có và ngộ chậm. Như quả chín tuy phải tự rơi, nếu cần gấp mà lay cho rụng thì nó sẽ rụng.

Hỏi: Bích-chi-phật thừa sao ý không phán quyết quả?

Đáp: Người Thanh văn vì ngu độn cho nên phán quyết quả. Thí như hai người cùng đi, người yếu thì phải dừng nghỉ, người mạnh thì đi thẳng đến chỗ, cho nên Phật chỉ nói Bích-chi-phật thừa, không lập quả

vị.

Lại nữa, tổng tướng dứt kết sử, vì trí tuệ thô nên chỉ trừ chánh sử, gọi là Thanh văn thừa.

Biệt tướng quán nhân duyên, vì trí tuệ sâu kín chỉ trừ tập khí, gọi là Bích-chi-phật.

Lại nữa, Thanh văn vì độn căn nên trước quán khổ đế, Duyên giác vì lợi căn cho nên trước quán tập đế.

Hỏi: Niệm xứ của Thanh văn biệt tướng là thô, tổng tướng là thắng, nay vì sao Tổng tướng là thô, biệt tướng là thắng?

Đáp: Lại dùng Tổng tướng, biệt tướng quán kỹ mười hai nhân duyên, cho nên biệt tướng là thắng.

Lại nữa, năng lực thiền định công đức của Thanh văn cạn mỏng nhưng thiên nhãn rất xa, chỉ thấy ngàn cõi nước nhỏ. Bích-chi-phật từ lâu gieo trồng năng lực thiền định gốc lành sâu dày, nếu phát thiên nhãn qua khỏi tam thiên, thấy thế giới phương khác. Nay lược nói Ba tạng giáo hữu môn giai vị Duyên giác xong. Không môn như Thành luận, phân biệt Côn-lặc môn phi không phi hữu, kinh luận đã không suy lường thì không thể biết.